

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 80/2021/DS-ST

Ngày: 29/6/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXX-DSST ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Lầu x, số xcv đường N, phường x, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Đình V – chức vụ: giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Đắk Lắk

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Hồ Thiên Đ – Chức vụ: Chuyên viên KHCN - Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Theo giấy ủy quyền số 337/2020/GUQ-CNDL ngày 31/7/2020)

Địa chỉ: Số zxc đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Phương T – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số vcz đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Thiên Đ trình bày:

Ngày 12/08/2016, bà Nguyễn Phương T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Phương T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, nâng hạn mức tín dụng lên 50.000.000 đồng từ ngày 17/10/2016 với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện nhiều lần các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là: 190.082.073 đồng. Tính đến ngày 30/4/2019 bà T đã thanh toán được số tiền 179.329.823 đồng (Cả gốc và lãi), còn dư nợ là 43.524.334 đồng. Ngày 31/5/2019, khoản tiền của bà T đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 29/02/2020, bà T thanh toán thêm được 275.966 đồng. Từ đó đến nay, bà T không thanh toán được bất cứ số tiền nào khác. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở xong bà T vẫn không thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Do đó, bà T đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Phương T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền dư nợ gốc là: 43.248.368 đồng; lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 29/6/2021 là: 42.865.650 đồng và các khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng đã ký kết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Phương T: Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú của bà T nhưng bà T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 220; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Phương T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền dư nợ gốc là: 43.248.368 đồng; lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 29/6/2021 là: 42.865.650 đồng và các khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Phương T (Trú tại: Số vcz đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kết với ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Lắk. Đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, bà Nguyễn Phương T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 12/08/2016 bà Nguyễn Phương T có ký kết với Ngân hàng TMCP S hợp đồng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng và nâng hạn mức tín dụng lên 50.000.000 đồng từ ngày 17/10/2016 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ thì bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là: 190.082.073 đồng. Tính đến ngày 30/4/2019 bà T đã thanh toán được số tiền 179.329.823 đồng (Cả gốc và lãi), còn dư nợ là 43.524.334 đồng. Ngày 29/02/2020, bà T thanh toán thêm được 275.966 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Phương T không tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại bản kết luận giám định số 54/KLGĐ-PC09 ngày 28/4/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Chữ ký và chữ viết trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng là của bà Nguyễn Phương T.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định bị đơn bà Nguyễn Phương T đã vi phạm hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 43.248.368 đồng cùng tiền lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 29/6/2021 là: 42.865.650 đồng và các khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Phương T. Việc giám định đã thực hiện xong với số tiền chi phí là 4.860.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000 đồng theo biên lai số 123 ngày 19/4/2021 và đã được nhận lại số tiền 180.000 đồng tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định, nguyên đơn được nhận lại các khoản tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Nguyễn Phương T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là: 43.248.368 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/6/2021 là: 42.865.650 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi đồng). Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 30/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng đã ký kết.

2. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Phương T phải chịu số tiền giám định là 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.860.000đ sau khi thu được của bà Nguyễn Phương T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.305.700 đồng (*Bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn bảy trăm đồng*). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.658.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012700 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải An